

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2023/DSST

Ngày: 25/9/2023

V/v tranh chấp: “Chia tài sản chung
vợ chồng, chia di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Vương Đạo

2. Ông Trần Minh Lực

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phú Đông;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2022/TLST-DS, ngày 14/10/2022, về việc tranh chấp: “Chia tài sản chung vợ chồng, chia di sản thừa kế”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2023/QĐXXST- DS, ngày 23 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Đoàn Thanh T - Văn Phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, thành phố T, tỉnh Tiền Giang;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Em Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 14/9/2005;

2. Em Nguyễn Ngọc Phương A, sinh ngày 27/11/2018;

3. Em Nguyễn Ngọc Phương N, sinh ngày 19/7/2013;

Người giám hộ của Thùy, A, N: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang;

(Chị L, luật sư T, bà H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:*

Tôi và anh Nguyễn Hoài P, sinh năm 1978, chết năm 2021 là vợ chồng, đăng ký kết hôn ngày 12/03/2004, tại UBND xã T. Trong thời kỳ hôn nhân, tôi và anh P đã tạo lập được tài sản chung là các thửa đất, công trình xây dựng, cây trồng trên đất nên $\frac{1}{2}$ tài sản này là của cá nhân tôi, $\frac{1}{2}$ tài sản còn lại là di sản thừa kế của anh P chưa được phân chia, cụ thể như sau:

Về quyền sử dụng đất tại ấp T, xã T huyện Tân Phú Đông gồm: Thửa đất số 2067, diện tích 1.207,7 m²; loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ TPC, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02132, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Hoài P và bà Nguyễn Thị Mỹ L vào ngày 05/5/2021. Thửa đất số 2068, diện tích 585,5 m²; loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ TPC, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02131, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Hoài P và bà Nguyễn Thị Mỹ L ngày 05/5/2021. Thửa đất số 332, diện tích 2.057,1 m²; loại đất lúa, tờ bản đồ TPC theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00732 do UBND huyện Tân Phú Đông cấp cho hộ ông Nguyễn Hoài P ngày 01/02/2013.

Về quyền sử dụng đất tại xã B, xã T, thành phố M gồm: Thửa đất số 246, tờ bản đồ số 17, diện tích 104,5 m², đất trồng cây lâu năm; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08229, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 08/9/2018 cho ông Nguyễn Hoài P. Thửa đất số 252, tờ bản đồ số 17, diện tích 125,4 m², đất trồng cây lâu năm; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS010084 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 02/04/2019 cho ông Nguyễn Hoài P.

Về công trình xây dựng, cây trồng trên đất như sau: Trên thửa đất số 332, có 01 căn nhà kiên cố, 01 ngôi một cửa của anh P và hàng rào xung quanh thửa đất. Trên các thửa đất 2067, 2068, 332 có cây trồng như dừa, ...

Anh P chết không để lại di chúc nên tôi yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của anh P gồm có: Tôi, bà H là mẹ anh P và T, A, N là các con anh P.

Nay tôi yêu cầu chia tài sản chung của tôi và anh Nguyễn Hoài P là $\frac{1}{2}$ các thửa đất theo đo đạc thực tế, $\frac{1}{2}$ giá trị nhà, và cây trồng trên $\frac{1}{2}$ đất được chia. Tôi yêu cầu chia thừa kế của anh Nguyễn Hoài P theo pháp luật đối với $\frac{1}{2}$ diện tích các thửa đất còn lại; $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà và cây trồng trên $\frac{1}{2}$ đất còn lại. Yêu cầu chia cho tôi $\frac{1}{5}$ di sản của anh P. Tôi xin nhận đất được chia và căn nhà, trên thửa 332. Tôi sẽ trả lại giá trị suất thừa kế về nhà cho những người còn lại trong hàng thừa kế của anh P.

*** *Tại bản tự khai bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Anh Nguyễn Hoài P trước khi chết có 03 người con chung với chị Nguyễn Thị Mỹ L là Nguyễn Ngọc Phương T, Nguyễn Ngọc Phương A, Nguyễn Ngọc Phương N. Tôi thống nhất tài sản chung của chị L và anh P như chị L trình bày. Khi còn sống, con trai tôi có nói sau này sẽ cho 3 đứa con anh P 02 thửa đất tại xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Nay tôi yêu cầu trích ra một phần di sản thừa kế của anh P để làm chi phí để nuôi các cháu T, A, N đến tuổi trưởng thành. Kỷ phần thừa kế mà tôi được chia từ di sản của anh P, tôi cho lại 3 cháu T, A, N.

*** *Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Mỹ L với tư cách là người giám hộ của Nguyễn Ngọc Phương T, Nguyễn Ngọc Phương A, Nguyễn Ngọc Phương N trình bày:***

Nguyễn Ngọc Phương T, Nguyễn Ngọc Phương A, Nguyễn Ngọc Phương N là con chung của tôi và anh P nên cháu T, A, N là hàng thừa kế của anh P. Cháu T, A, N không yêu cầu chia di sản thừa kế của anh P trong vụ án này. Khi có yêu cầu nhận di sản, các cháu sẽ tự phần chia hoặc yêu cầu giải quyết sau.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông phát biểu:**

- *Về việc tuân theo tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. **Chị L, bà H mỗi người nhận được 1/5 giá trị của phần di sản mà anh P để lại. Cháu T, cháu A, cháu N mỗi cháu sẽ nhận được 1/5 giá trị của phần di sản mà anh P để lại. Xét thấy các thửa đất trên là tài sản chung của anh P và chị L đã tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, hiện nay do chị L quản lý và sử dụng nên đề nghị giao cho chị L nhận bằng hiện vật, chị L có trách nhiệm hoàn trả lại giá trị tương đương mà bà H và cháu T, A, N được nhận thừa kế từ anh P.**

* Tại phiên tòa, Luật sư phát biểu tranh luận: Yêu cầu của chị L có căn cứ quy định pháp luật vì các thửa đất tranh chấp được tạo lập sau khi chị L và anh P đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa, chị L, bà H thống nhất xác định hàng thừa kế của anh P có 5 người. Chị L yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là 1/2 diện tích thửa đất và yêu cầu chia 1/5 di sản thừa kế của anh P là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết

Chị L yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng và chia di sản thừa kế theo pháp luật nên đây là tranh chấp về quyền sở hữu tài sản, theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Tân Phú Đông theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 649, 651 Bộ Luật Dân sự năm 2015. Bị đơn không yêu cầu phản tố. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

[2] Về nội dung vụ kiện

[2.1] Theo trích lục kết hôn số 240, ngày 13/5/2020, chị L và anh P đăng ký kết hôn ngày 12/3/2004 nên có cơ sở xác định các thửa đất 246, 252, 2067, 2068 do anh P đứng tên cá nhân và các thửa đất anh P cùng chị L đứng tên là tài sản có được trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung của vợ chồng. Riêng thửa 332, có nguồn gốc là nhận chuyển nhượng lại. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ anh P vào ngày 01/02/2013, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ anh P gồm có anh P, chị L và cháu T. Thời điểm này cháu T chỉ có 08 tuổi nên không có công sức đóng chi phí nhận chuyển nhượng đất. Do đó, có cơ sở xác định thửa đất 332 là tài sản chung của chị L và anh P, không phải là tài sản chung của hộ.

[2.2] Do các thửa đất 246, 252, 2067, 2068 và 332; căn nhà và cây trồng trên đất là tài sản chung của anh P, chị L nên $\frac{1}{2}$ diện tích các thửa đất, **theo đo đạc thực tế** và $\frac{1}{2}$ căn nhà và cây trồng trên đất là của chị L. Di sản của anh P để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích thực tế các thửa đất 246, 252, 2067, 2068, 332 và $\frac{1}{2}$ căn nhà và cây trồng trên đất. Anh P chết không để lại di chúc nên chị L yêu cầu chia thừa kế di sản của anh P theo pháp luật là phù hợp nên chấp nhận.

[2.3] Theo đơn khởi kiện, chị L yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là $\frac{1}{2}$ diện tích các thửa đất, là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận. Đối với các thửa đất: 2467, 2468, 332 chị L được chia cụ thể như sau: **$615,1m^2$ ($1.207,7 m^2 : 2$) thuộc thửa 2067; $123,02m^2$ ($585,5 m^2 : 2$) thuộc thửa 2068; $1.092,05m^2$ ($2.057,1m^2 : 2$) thuộc thửa 332; $52,25m^2$ ($104,5m^2 : 2$) thuộc thửa 246; $62,7m^2$ ($125,4m^2 : 2$) thuộc thửa 252.**

[2.4.] Chị L yêu cầu chia di sản thừa kế của anh P đối với $\frac{1}{2}$ diện tích các thửa 252, 246, 2467, 2468, 332 là có cơ sở chấp nhận. Hàng thừa kế của anh P có 05 người, do đó 01 suất thừa kế của anh P cụ thể như sau: **$10,45m^2$ ($52,25m^2 : 5$) thuộc Thửa 246 ; $12,54m^2$ ($62,7m^2 : 5$) thuộc thửa 252; $123,02 m^2$ ($615,1m^2 : 5$) thuộc thửa 2467 ; $47,61 m^2$ ($238,05m^2 : 5$) thuộc thửa 2468; $218,41m^2$ ($1.092,05 m^2 : 5$) thuộc thửa 332. Chị L được chia 01 suất thừa kế như trình bày trên.**

[2.5] Chị L xin nhận tài sản bằng hiện vật (nhận đất). Xét thấy, diện tích đất chia cho chị L ở các thửa đất 2467, 2468, 332, đảm bảo điều kiện sử dụng nên chấp

nhận. Riêng thửa 246, 252 nếu chia chị L bằng hiện vật, diện tích nhỏ, không đảm bảo cho việc sử dụng nên giao cho chị L sử dụng diện tích 02 thửa 246, 252. Chị L có nghĩa vụ trả lại cho bà H, các cháu T, A, N 01 suất thừa kế bằng giá trị. Theo Biên bản định giá tài sản ngày 20/6/2023, giá chuyển nhượng theo thực tế có vị trí tương đương thửa đất 246 là 3.500.000 đồng/m²; thửa đất 252 là 3.000.000 đồng/m². Do đó, 01 suất thừa kế tại thửa 246 là **10,45m², thành tiền là 36.575.000 đồng (3.500.000đ/m² x 10,45m²)**; 01 suất thừa kế tại thửa 252 là **12,54m², thành tiền là 37.620.000 đồng (12,54m² x 3.000.000đ/m²)**. Tổng cộng 01 suất thừa kế tại thửa 467 và 252 là **74.195.000 đồng (36.575.000đ + 37.620.000đ)**. **Chị L có nghĩa vụ trả lại cho bà H, các cháu T, A, N mỗi người với số tiền 74.195.000 đồng.**

[2.5] Theo đơn khởi kiện, chị L không yêu cầu chia tài sản trên đất. Đây là quyền quyết định, tự định đoạt nội dung khởi kiện của chị L theo Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi các đương sự có đơn yêu cầu chia tài sản trên đất sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[2.6] Chị L là người giám hộ của các con gồm Nguyễn Ngọc Phương T, Nguyễn Ngọc Phương N, Nguyễn Ngọc Phương A. Chị L không yêu cầu chia di sản thừa kế của anh P cho các con anh P nên không xem xét.

[2.7] Tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay bà H trình bày, bà thống nhất di sản của anh P để lại là ½ diện tích các thửa đất và ½ căn nhà. Bà đồng ý tặng cho 01 suất thừa kế bà được hưởng cho 3 người con anh P. Tuy nhiên, bà H không có đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của anh P, không nộp tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử xem xét. Khi bà H có đơn yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Ý kiến lập luận và đề nghị của Luật sư phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về phát biểu của kiểm sát viên:

Ý kiến và đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí

Chị L được chia tài sản chung vợ chồng và di sản thừa kế nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản được chia.

Bà Nguyễn Thị H đến ngày xét xử đã trên 60 tuổi; em Nguyễn Ngọc Phương A và em Nguyễn Ngọc Phương N, đến ngày xét xử là trẻ em nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Em Nguyễn Ngọc Phương T sinh ngày 14/9/2005. Đến ngày xét xử, em T đã trên 18 tuổi nên phải nộp án phí trên số tiền được nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 649, 651 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 5, **khoản 5** Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L.
- Chia tài sản chung vợ chồng và chia thừa kế cho chị Nguyễn Thị Mỹ L cụ thể như sau: 285,66m² (238,05m² + 47,61m²) thuộc thửa 2068 ; 738,12m² (615,01m² + 123,02m²) thuộc thửa 2067 ; 1310,46m² (1092,0m² + 218,41m²) thuộc thửa 332 ; 75,24m² (62,7m² + 12,54m²) thuộc thửa 252 và 62,7m² (32,25m² + 10,45m²) thuộc thửa 246.

- Giao cho chị Nguyễn Thị Mỹ L sử dụng 104,5m² đất thuộc thửa 246 tờ bản đồ số 17, diện tích 104,5 m², đất trồng cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08229, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 08/9/2018 do ông Nguyễn Hoài P đứng tên và 125,4 m² đất thuộc thửa 252, tờ bản đồ số 17, đất trồng cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS010084 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 02/04/2019 do ông Nguyễn Hoài P đứng tên. Chị Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị H, các em Nguyễn Ngọc Phương T, Nguyễn Ngọc Phương A, Nguyễn Ngọc Phương N, mỗi người với số tiền **74.195.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.**

(Vị trí, hiện trạng đất theo mảnh trích đo địa chính thửa đất và sơ đồ thửa đất kèm theo)

Chị Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất được chia, theo quy định pháp luật, khi án có hiệu lực pháp luật

- Về án phí:

+ Chị Nguyễn Thị Mỹ L nộp 12.295.320 đồng, án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.957.000 (bảy triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn đồng theo biên lai thu số 0003118, ngày 14/10/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông. Chị L còn phải nộp tiếp 4.338.320 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Nguyễn Thị H, các em Nguyễn Ngọc Phương T, Nguyễn Ngọc Phương A, Nguyễn Ngọc Phương N không nộp án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND H. Tân Phú Đông;
- THA DS H. Tân Phú Đông;
- Tòa án ND tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI